

VIẾT LẠI NỖI BẤT HẠNH CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Hồ Đĩnh

Tự ngàn xưa, Quân Đội Việt Nam đã nổi tiếng kiêu hùng, đạt được nhiều chiến công hiển hách trong suốt dòng Lịch Sử như phá Tống, bình Chiêm, đánh đuổi quân Nguyên, Minh, Thanh và làm cho Xiêm La, Lào, Miên phải kinh hồn bạt vía. Là con cháu của Hồng Lạc, chúng ta ngưỡng mộ và hãnh diện qua công đức vĩ đại của Tiền Nhân, của Quân Đội trong sự nghiệp bảo vệ Đất Nước và sinh mệnh của đồng bào.

Với ý nghĩa thiêng liêng cao quý trên. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được hình thành trong giai đoạn Đất Nước tạm phân (1955-1975) với trách nhiệm chống lại sự xâm lăng của đế quốc cộng sản Hà Nội, giữ gìn phân nửa giang sơn gấm vóc của Tiền Nhân. Đây là một cuộc chiến tranh sinh tử giữa Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và bộ đội cộng sản Bắc Việt, chứ không phải giữa Hoa Kỳ và Hà Nội như giới truyền thông Tây phương đã bóp méo để đầu độc dư luận Thế Giới, làm giảm uy tín của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và tô vẽ chính nghĩa cho quân xâm lăng Bắc Việt. Đây cũng là sự thảm thê chất ngất của người Lính miền Nam Việt Nam, trong suốt hai mươi năm máu lửa. Vì định kiến, vì buông xuôi, vì thủ đoạn chính trị con buôn quốc tế, tất cả đã dồn ép Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào chân tường, vào cuộc chiến đơn độc. Hai mươi năm lửa máu, người Lính miền Nam phía trước phải đối đầu trực diện với kẻ thù gian ngoa hiểm ác. Sau lưng bị thọc, bởi hậu phương bạc bẽo vô tình, còn trên đầu có Đồng Minh và thượng cấp luôn luôn rình rập phản bội và bán đứng. Cảm nhận được thân phận nhược tiểu và bất hạnh trên, nhưng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn làm tròn bổn phận và trách nhiệm của người trai thời loạn đối với Dân-Nước, cho tới khi Tổng Thống một ngày Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng.

Từ sau ngày 1.5.1975, đế quốc cộng sản chiếm được toàn cõi Việt Nam. Hà Nội thắng tay thu vén của cải của đồng bào miền Nam Việt Nam, chiến lợi phẩm và 16 tấn vàng của Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam do Nguyễn Văn Hảo dâng nạp. Chỉ có thể thôi và cũng kể từ đó theo thời gian, hàng loạt những huyền thoại về người bộ đội miền Bắc vượt Trường Sơn đi cứu nước cũng tan biến theo dư ảnh của cuộc đời mạt lộ.

Hai mươi bốn năm tan hàng rã ngũ, Quân Dân miền Nam đã qua hết chín tầng địa ngục trần gian của thiên đàng xã hội chủ nghĩa. Nhưng dù thể xác có bị vùi dập rã rời trong hận thù nghiệt ngã, tinh thần của người Lính còn lại hôm nay vẫn nguyên vẹn không hề thay đổi và cũng không có ai có thể thay thế họ trong trách nhiệm quang phục Đất Nước. Người Lính miền Nam Việt Nam còn lại hôm nay nào khác hình ảnh bất khuất của Ban Siêu thời Tây Hán, một đời da ngựa bọc thân, gồng gánh trên vai trách nhiệm Bảo Quốc-An Dân, cho tới khi tóc đã điểm trắng mái đầu xanh, mới được quay về cố hương:

Dấu binh lửa nước non như cũ
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương
Phận trai giá ruổi chiến trường
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về
(Chinh Phụ Ngâm)

Những lý do phát sinh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Ngày 13.8.1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện sau khi bị Mỹ thả hai trái bom nguyên tử xuống Trường Kỳ và Quảng Đảo. Lợi dụng cơ hội trên, thực dân Pháp qua sự tiếp tay của quân Anh, trở lại chiếm Nam kỳ. Ngày 2.9.1945, cộng sản cướp chính quyền tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn và chính Hồ chí Minh vì quyền lợi của cá

nhân và đảng, đã thỏa thuận để Pháp đổ bộ lên đất Bắc, thay thế quân Trung Hoa giải giới quân Nhật. Theo Sử liệu, thì Pháp và Hồ chí Minh đồng thuận dựng lên một vở kịch, y như vở bi kịch Dương Văn Minh đuổi Mỹ năm 1975. Trong vở hài kịch trên, chính Pháp đã mớm lời cho Hồ chí Minh kêu gọi toàn dân nổi lên đánh Pháp năm 1946. Có kêu gọi, đảng cộng sản mới nắm được quyền lãnh đạo toàn dân và vì toàn dân Việt Nam nổi lên chống thực dân, nên Pháp phải đem quân vào đánh dẹp mà không bị dư luận Thế Giới chỉ trích. Cũng kể từ đó, người Việt Nam thay vì đoàn kết chống giặc thù ngoại xâm, lại chia xẻ thành phe nhóm với các xu hướng chính trị khác nhau, khiến cho máu dân Việt lại tiếp tục đổ và Đất Nước tang tác thêm vì bom đạn. Trong giai đoạn này, hai lực lượng quân sự của người Việt đã thành hình, đó là bộ đội Việt Minh bị Hồ chí Minh và cộng sản quốc tế khống chế bằng chủ thuyết Mác Lê. Lực lượng thứ hai gọi là Quân Đội Quốc Gia cũng bị thực dân Pháp và các lãnh tụ chính trị áp đảo. Tóm lại người Việt lúc đó dù chiến đấu trong hàng ngũ nào cũng tổn xương máu vô ích, vì chỉ để phục vụ cho các chủ thuyết chính trị quốc tế mà thôi.

Riêng sự thành hình của Quân Đội Quốc gia Việt Nam thật phức tạp nhưng cũng có thể tóm tắt qua bốn lý do chính sau đây:

Pháp lợi dụng thành phần hợp tác cũ

Ngay khi đặt chân được trên đất Nam Kỳ vào cuối năm 1945, Pháp đã sử dụng các thành phần theo Pháp ngày trước như công chức, quan lại, hương chức, kỳ hào, lính khố xanh, khố đỏ, các Dân Tộc Tiểu Số Thái, Mường, Nùng, Thổ... và các Bộ Lạc ở Cao Nguyên Trung phần để làm một lực lượng thân binh. Chính thành phần này là lực lượng quân sự đầu tiên chống lại cộng sản vì họ bị dồn vào chân tường không còn con đường nào để lựa chọn.

Cộng sản xô đẩy các đảng phái quốc gia theo pháp

Ngay khi Pháp đổ bộ trên đất Bắc thế chân quân Lữ Hán của Trung Hoa thì cộng sản đệ tam quốc tế núp dưới chiêu bài Việt Minh. Để độc quyền lèo lái toàn dân và đất nước Việt Nam theo đường hướng Mac-Le. Do đó, cộng sản đã thẳng tay tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia dù rằng lúc đó các lực lượng này đang cùng Việt Minh đứng chung trong chánh phủ liên hiệp chống Pháp. Vì sự phản bội và khủng bố trên, lực lượng đảng phái Quốc Gia phải tách rời Việt Minh để sống còn. Họ đã kết thành một lực lượng chống cộng sản quyết liệt khi Pháp dựng lên Chính Phủ Bảo Đại.

Cộng sản xô đẩy các lực lượng tôn giáo thành thù địch

Với chủ trương tận diệt mọi đối tượng để được độc quyền. Việt Minh qua cộng sản Hà Nội đã xô đẩy các Lực lượng Tôn Giáo như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo thành một Lực Lượng đối nghịch chống lại cộng sản.

Cộng sản xô đẩy mọi thành phần xã hội vào hàng ngũ quốc gia

Việt Minh qua sự khống chế của cộng sản đệ tam quốc tế, đã dùng bạo lực để tiêu diệt mọi thành phần đối tượng xã hội như Trí Thức, Địa Chủ, Tiểu Tư Sản, Thợ Thuyền... qua các chiến dịch gọi là diệt tề và phản động, khiến cho một số lớn thanh niên nam nữ đang chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh, đã bỏ về vùng Pháp chiếm đóng, chống lại cộng sản.

Trên lý thuyết, bốn lực lượng trên đều chủ trương chống cộng sản năm 1947. Thực tế Lực lượng Quân Sự của Quốc Gia Việt Nam được chính thức thành lập ngày 11.5.1950 cho tới khi Hiệp Định Genève được ký kết vào năm 1954, vẫn trực thuộc Pháp. Bắt đầu từ năm 1955 cho tới ngày 30.4.1975, Việt Nam Cộng Hòa được độc lập. Cũng kể từ đó Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa lớn mạnh và trưởng thành, thoát khỏi ảnh hưởng của ngoại bang, đủ sức chống chọi với cộng sản miền Bắc trong suốt hai mươi năm và nếu không bị Mỹ bán đứng, giờ này chưa chắc Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Theo tinh thần của Hiệp Định Genève năm 1954, thì lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa chạy dài từ vĩ tuyến 17 trên Sông Bến Hải, Tỉnh Quảng Trị cho tới Hà Tiên, được phân chia 4 Vùng Chiến Thuật và một Biệt Khu Thủ Đô. Tính đến ngày ký Hiệp Định ngưng bắn 1973, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa gồm có 220.000 Chủ Lực Quân, chia thành 11 Sư Đoàn Bộ Binh mang các số: 1, 2, 3, 5, 7, 9, 18, 21, 22, 23 và 25. Ngoài ra còn có Hai Sư Đoàn Tổng Trừ Bị là Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và Sư Đoàn Nhảy Dù, mười lăm Liên Đoàn Biệt Động Quân (mỗi Liên Đoàn có 3 Tiểu Đoàn) và một Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù thuộc Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Riêng Binh Chủng Yểm Trợ gồm có:

Pháo Binh

Gồm 66 Tiểu Đoàn và 164 Trung Đội Pháo biệt lập với 1492 khẩu pháo đủ loại (105, 155, 175 ly) và 7 Tiểu Đoàn Pháo Binh Phòng Không.

Thiết Giáp

Gồm 22 Thiết Đoàn và 51 Chi Đoàn Thiết Giáp biệt lập, sử dụng 2074 xe bọc thép đủ loại gồm M-113, M-114, M-41 và M-48.

Không Quân

Có 6 Sư Đoàn chiến thuật với quân số cơ hữu là 41.000 người được phân phối như sau:

Sư Đoàn 1 Không Quân Đà Nẵng. Sư Đoàn 2 Không Quân Nha Trang. Sư Đoàn 3 Không Quân Biên Hòa. Sư Đoàn 4 Không Quân Cần Thơ. Sư Đoàn 5 Không Quân Sài Gòn và Sư Đoàn 6 Không Quân Pleiku. Không Quân có tất cả 66 Phi Đoàn gồm 22 Phi Đoàn chiến đấu với 510 phi cơ đủ loại, kể cả 30 chiếc phản lực cơ tối tân F-5E. Có 25 Phi Đoàn trực thăng với 900 chiếc, 5 Phi Đoàn vận tải với 80 phi cơ và 14 Phi Đoàn trinh sát cơ. Quân Chủng Không Quân có Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân tại Nha Trang, đào tạo các Sĩ Quan Không Quân. Sau ngày 30.4.1975, chỉ có 172 phi cơ bay được sang Thái Lan và một ít trực thăng bay ra Hạm Đội 7.

Hải Quân

Với quân số tính đến năm 1975 là 39.000 người. Quân Chủng Hải Quân gồm 1611 tàu và thuyền đủ loại, được phân chia thành 5 Vùng Duyên Hải và 2 Vùng Sông Ngòi, một Hạm Đội tuần duyên gồm 83 chiếc hạm đủ loại. Có 4 Lực Lượng Đặc Nhiệm thuộc hành quân lưu động sông. Lực Lượng Đặc Nhiệm 2/2 Tuần Thám, Lực Lượng 211 Thủy Bộ, Lực Lượng 214 Trung Ương và Lực Lượng Đặc Nhiệm 99. Còn có Lực Lượng 213 Duyên Phòng, Liên Đoàn Tuần giang, 28 Duyên Đoàn, 20 Giang Đoàn xung phong, Ba Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân. Riêng Trung Tâm Nha Trang dành đào tạo Sĩ Quan Hải Quân.

Các Cơ Cấu Tiếp Vận

Gồm 5 Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận với các cơ cấu trực thuộc như: Quân Vận, Quân Cụ, Quân Nhu, Quân Y, Truyền Tin, Công Binh. Tất cả đều yểm trợ trực tiếp cho các Quân, Binh Chủng các Tiểu Khu.

Ngoài các Lực Lượng Chính Quy trên còn có 140.000 Địa Phương Quân, được tổ chức thành 367 Tiểu Đoàn và 85 Đại Đội Biệt Lập, tất cả đặt dưới quyền sử dụng của các Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng. Trong suốt cuộc chiến, nhiều Tiểu Đoàn Địa Phương Quân tại Long An, Long Khánh, Bình Thuận, chiến đấu hào hùng không kém các Sư Đoàn Bộ Binh và các Binh Chủng.

Một Vài Đơn Vị nổi tiếng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Sư Đoàn Nhảy Dù

Là một trong những Đại Đơn Vị kiêu hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, có kỷ luật, cương kỷ và được sự mến mộ kính phục của đồng bào miền Nam. Nhảy

Dù Việt Nam được hình thành kể từ ngày 29.9.1954 khi Pháp giao lại cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù (6AP3) Gồm các Tiểu Đoàn Dù 1, 3, 4, 5, 6, 7 do Thiếu Tá Đỗ Cao Trí làm Tư Lệnh. Ngay khi nhập cuộc, Liên Đoàn Nhảy Dù đã đánh tan Bình Xuyên tại Sài Gòn-Chợ Lớn và tiêu diệt chúng ngay sào huyệt ở Rừng Sát. Ngày 26.10.1959, Liên Đoàn Nhảy Dù đổi thành Lữ Đoàn Nhảy Dù do Trung Tá Nguyễn Chánh Thi làm Tư Lệnh.

Vì nhu cầu chiến trường gia tăng, từ ngày 1.2.1965 Lữ Đoàn Nhảy Dù được nâng thành Sư Đoàn Dù với đầy đủ các Đơn vị tác chiến, yểm trợ và phân thành 3 Lữ Đoàn tác chiến, ba Tiểu Đoàn Pháo Binh Dù, một Tiểu Đoàn Quân Y, Một Tiểu Đoàn Công Binh, các Đại Đội Trinh sát và Phân Đội Tác Chiến, Điện Tử, Kỹ Thuật. Từ năm 1964 tới năm 1972, Trung Tướng Dư Quốc Đống làm Tư Lệnh Sư Đoàn Dù. Sau 1972 cho tới khi tan hàng, Tư Lệnh là Chuẩn Tướng Lê Quang Lương. Vào những ngày sắp mất nước, Sư Đoàn Dù có thêm Lữ Đoàn 4 gồm các Tiểu Đoàn 12, 14, 15. Chính Đơn vị này do Trung Tá Lê Minh Ngọc Chỉ Huy trong những ngày cuối cùng trên chiến trường Ven Đô, đã gây nhiều tổn thất cho cộng sản Hà Nội.

Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến

Từ ngày thành lập cho tới khi tan hàng. Thủy Quân Lục Chiến đã cùng với Nhảy Dù, Lực Lượng Đặc Biệt, Biệt Động Quân... vẫy vùng khắp Bốn Vùng Chiến Thuật và Mặt Trận ngoại biên. Các địa danh Đầm Dơi, Huế, Cổ Thành Đinh Công Tráng Quảng Trị, Quốc Lộ 9... đã đưa tên tuổi người Lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam vào Quân Sử, hãnh diện đứng ngang hàng với các Binh Chủng thiện chiến trên Thế Giới. Thủy Quân Lục Chiến được thành lập chính thức vào tháng 10.1954 với quân số nòng cốt tuyển chọn từ Hải Quân, Bộ Binh và Biệt Kích. Nhân số buổi đầu là 2400 người, được thành lập Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến và các Đơn vị cấp Đại Đội. Chính Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến đã đánh đuổi bọn Tàu ô Trung cộng, khi chúng vịn vào lời tuyên bố của Phạm văn Đồng về hai Hải Đảo Hoàng Sa, Trường Sa, xua quân đến chiếm lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Đầu năm 1961, Thủy Quân Lục Chiến tăng quân số lên 3321 người, chia thành 4 Tiểu Đoàn và các Đơn vị yểm trợ, đặt trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lục Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 1.1.1962 được nâng thành Lữ Đoàn với quân số 5483 người. Trong dịp Việt Nam Hóa Chiến Tranh, Thủy Quân Lục Chiến trở thành Sư Đoàn vào năm 1969 với Quân số 11.000 người cho đến khi hầu như bị tan hàng vào tháng 4.1975 khi có lệnh rút quân bỏ Huế. Trong suốt 20 năm chiến đấu, Thủy Quân Lục Chiến luôn luôn là Đơn vị nòng cốt của Quân Lục, từ ngày 5.5.1972 tới lúc tan hàng, Thiếu Tướng Bùi Thế Lân giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn.

Biệt Động Quân

Trong các Đơn vị làm trừ bị cho Bộ Tổng Tham Mưu, Biệt Động Quân bị thiệt thòi nhiều nhất, từ cơ cấu tổ chức, cho tới vấn đề biệt phái sử dụng. Nguyên do là Biệt Động Quân không có Bộ Tư Lệnh mà chỉ có Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân với các Chỉ Huy Trưởng như Thiếu Tá Phan Trọng Chinh, Đại Tá Lam Sơn, Đại Tá Tôn Thất Xứng, Đại Tá Phan Xuân Nhuận, Đại Tá Trần Văn Hai, Đại Tá Trần Công Liễu và cuối cùng là Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai. Cho đến khi sụp đổ, Biệt Động Quân có tất cả 15 Liên Đoàn với 45 Tiểu Đoàn chiến đấu.

Biệt Động Quân được thành lập từ năm 1960 và là một Binh Chủng Biệt Động, Cẩm Tử, được sử dụng tối đa trong các cuộc hành quân trực thăng vận nhảy vào các căn cứ hậu cần và mặt khu cộng sản khắp 4 Vùng Chiến Thuật. Biệt Động Quân có hai Trung Tâm Huấn Luyện, Dục Mỹ và Trung Hòa (Củ Chi). Đây là những lò luyện thép, Huấn luyện tân binh cùng các Khóa Rừng Núi Sinh Lầy Biệt Động cho Hạ Sĩ Quan và Sĩ Quan Quân Lục Việt Nam Cộng Hòa. Trong suốt cuộc chiến, dân chúng ở Bốn Vùng Chiến Thuật, không ai là không biết tới các Tiểu Đoàn Biệt Động

Quân 44, 42, 43. Năm 1967, Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân Việt Nam là Đơn vị Việt Nam duy nhất đã biệt phái cho Đơn vị Hoa Kỳ tại Khe Sanh, Tiểu Đoàn trên đã giữ vững được phòng tuyến khi bị cộng sản Bắc Việt tấn công biển người. Sự kiện trên đã làm cho người Hoa Kỳ kính nể.

Từ năm 1966, Binh Chủng Biệt Động Quân cải tổ và thành lập các Liên Đoàn Biệt Động Quân đặt trực thuộc các Quân Đoàn. Ngày nay khi nhớ về Binh Chủng, những Quân Nhân các cấp của Biệt Động Quân luôn luôn hãnh diện vì đã làm tròn trách nhiệm. Nhiều cấp Chỉ Huy của Biệt Động Quân đã đi vào Quân Sử như Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Trung Tá Võ Vàng, Thiếu Tá Trần Đình Tự...

Lực Lượng Đặc Biệt

Được thành lập vào đầu năm 1957 cho tới trước ngày 1.11.1963, Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt thuộc Sở Liên Lạc Phủ Tổng Thống, gồm có Ba Đơn Vị: Sở Bắc (sau đổi thành Nha Kỹ Thuật), Sở Nam (sau thành Sở Liên Lạc) và các Toán Lực Lượng Đặc Biệt. Sở Bắc đặc trách Tình báo chiến lược ngoài lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, Sở Nam đặc trách công tác Tình báo trong nước. Các Toán Lực Lượng Đặc Biệt gọi là Biệt Kích-Biệt Cách, đó là những Đơn Vị cảm tử, chuyên hoạt động sâu trong lòng địch đóng, không được quân bạn yểm trợ và mọi trường hợp khẩn cấp, Biệt kích quân phải tự mưu sinh để sống còn.

Từ năm 1966, Hoa Kỳ chuyển giao tất cả các Tiểu Đoàn dân sự chiến đấu Mike Forces cho Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam. Vì là một Đơn Vị Lực Lượng Đặc Biệt trong chiến tranh quy ước, nhưng Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt có lúc lên tới 36.000 người, gồm có 66 Trại Lực Lượng Đặc Biệt nằm rải rác dọc theo biên giới Lào Miên. Các Trại Lực Lượng Đặc Biệt là những chướng ngại vật của cộng sản Bắc Việt trên đường xâm nhập Việt Nam Cộng Hòa, vì vậy từ sau năm 1965 về sau, nhiều trận đánh đẫm máu giữa Bắc Việt và Lực Lượng Đặc Biệt tại Pleiku, Benhet, Đức Cơ, Dakto, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Tống Lê Chân, Katum, Bến Sỏi v.v...

Bắt đầu năm 1970, các Trại Lực Lượng Đặc Biệt bị giải tán, chuyển thành các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt thành Nha Kỹ Thuật và các Tiểu Đoàn Biệt Kích Quân thành Đơn Vị Địa Phương Quân. Riêng quân số của Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù được nhập chung thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, đặt trực thuộc Phòng 3 Bộ Tổng Tham Mưu. Trong những ngày cuối cùng của Đất Nước chính Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đã bắn cháy nhiều chiến xa T-54 và PT-76 của Bắc Việt tại Ngã Tư Bảy Hiền, Bệnh Viện Vì Dân, Lăng Cha Cả... Hai câu thơ bất hủ sau đây, ca tụng chiến tích và sự hy sinh cao độ của người Lính Biệt Cách Nhảy Dù:

An Lộc địa sử ghi chiến tích
Biệt Cách Dù vị Quốc vong thân

Một Vài Quân Trường Nổi Tiếng Của Việt Nam Cộng Hòa

Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt

Được thành lập tại Huế năm 1948 với nhiệm vụ đào tạo các Sĩ Quan Trung Đội Trường. Năm 1950, Trường di chuyển về Đà Lạt và đổi tên là Trường Võ Bị Liên Quân. Ngày 29.7.1959, Bộ Quốc Phòng ban hành Nghị Định số 317, cải tổ Trường Võ Bị Đà Lạt thành một Trường Cao Đẳng chuyên nghiệp. Theo đó, các Sĩ Quan tốt nghiệp ngoài căn bản quân sự vững chắc, còn có trình độ văn hóa tương đương với bên Đại Học. Thời gian thụ huấn của các Khóa Sĩ Quan Đà Lạt cũng không đồng nhất, tuy rằng theo lý thuyết là 4 năm. Từ Khóa 1 cho tới Khóa 11 phụ, thời gian học

trên dưới một năm. Từ Khóa 12 cho tới Khóa 22B năm 1965, thời gian thụ huấn từ 1 năm rưỡi cho tới 3 năm. Bắt đầu Khóa 22B (20.11.1965) cho tới Khóa 27, thời gian học 4 năm. Khóa 28 (3 năm rưỡi) và Khóa cuối cùng 30 nhập học ngày 31.1.1974 cho tới đầu tháng 4.1975 thì di chuyển về Trường Bộ Binh Long Thành và sau đó tan hàng. Chỉ Huy Trường đầu tiên của Trường Võ Bị là Trung Tá Chaix (1949) và vị cuối cùng là Thiếu Tướng Lâm Quang Thọ.

Tọa lạc trên dãy đồi hùng vĩ dưới chân Cao Nguyên Lâm Viên, đứng ngất ngưỡng giữa trời xanh. Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, bề thế với lối kiến trúc tân kỳ gồm các Phòng ốc, Thư Viện và Phòng Thí Nghiệm do nhà thầu Hoa Kỳ xây cất, đã đưa Trường lên ngang hàng với các Quân Trường nổi tiếng ở Đông Nam Á cũng như Trường West Point của Mỹ. Muốn được theo học tại Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, ngoài văn bằng Tú Tài Hai ban AB, Thí sinh còn phải qua một kỳ thi tuyển.

Những thanh niên thời đại Việt Nam trong buổi ly loạn, hầu hết đều ao ước được trở thành Sĩ Quan Đà Lạt. Riêng các Thiếu Nữ thì rất lấy làm hãnh diện đi sóng đôi với người yêu trong bộ lễ phục Gabardine mùa đông. Màu Jasper với Huy Hiệu của Trường trên cầu vai đỏ và nón kết. Từ năm 1948 tới khi miền Nam bị sụp đổ vào tháng 4.1975, Trường đào tạo được 4600 Sĩ Quan, nhiều vị đã thăng tới Tướng Lãnh và giữ các Chức Vụ then chốt trong Quân Đội cũng như trong Chính Phủ.

Trường Bộ Binh Thủ Đức

Từ tháng 10.1951, để đáp ứng nhu cầu chiến trường, hai Trung Tâm Đào Tạo Sĩ Quan Trừ Bị được thành lập tại Nam Định (Bắc Phần) và Thủ Đức (Nam Phần), Khóa 1 Sĩ Quan trừ bị được khai giảng tại hai Trường trên.

Đầu năm 1952, để thống nhất việc giảng dạy, Trường Nam Định được di chuyển vào Nam và sát nhập vào Trường Thủ Đức. Trường này tọa lạc trên dãy đồi thấp ở Tăng Nhơn Phú. Từ đó, Trường được xây cất và chỉnh trang liên tục, trở nên một trong những Trường Võ Bị khang trang và nổi tiếng lớn nhất vùng Đông Nam Á.

Đến cuối năm 1955, Trường Bộ Binh Thủ Đức trở thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, vừa đào tạo Sĩ Quan Trừ Bị Bộ Binh, vừa huấn luyện chuyên môn cho các Binh Chủng như Thiết Giáp, Truyền Tin, Pháo Binh, Công Binh, Quân Nhu, Quân Cụ, Quân Bưu và Quân Vận. Từ sau tháng 10.1961, phần lớn các Trường chuyên môn dời tới các địa điểm mới nhưng danh xưng Liên Trường vẫn sử dụng vì tại Trung Tâm có Ba Trường: Bộ Binh, Thiết Giáp và Trường Võ Thuật Thể Dục Quân Sự.

Chương trình Huấn luyện cho Sĩ Quan Thủ Đức gồm 2 giai đoạn. Bắt đầu từ Khóa 6, Sinh Viên Sĩ Quan Tốt nghiệp, mang cấp bậc Chuẩn Úy trừ bị. Từ tháng 2.1969 cho tới 30.4.1975, Trường chánh thức được gọi là Trường Bộ Binh Thủ Đức và sau 24 năm hoạt động, Trường đào tạo được tất cả 69 Khóa Sĩ Quan Trừ Bị với 80.000 Sĩ Quan, trong đó có nhiều người đã lên cấp Tướng và giữ chức vụ quan trọng trong Quân Đội cũng như Chính Quyền chẳng hạn Trung Tướng Ngô Quang Trường, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Ngọc Loan...

Ngày 27.4.1975, Trường từ Long Thành rời về địa điểm cũ ở Tăng Nhơn Phú (Thủ Đức). Ngày 30.4.1975, cộng sản Hà Nội cho 4 chiến xa T-54 tấn công Trường, gây tử thương cho Trung Tá Dương Văn Tuyên, Trung Sĩ Nhất Nhậm và 5 Sinh Viên Sĩ Quan. Nhưng cuối cùng cả 4 chiếc đều bị M-72 bắn cháy trước khi Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng.

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang

Trước tọa lạc tại Đường Duy Tân, Nha Trang, khai giảng tháng 8.1952. Tháng 7.1955, Trường hoàn toàn thuộc Quyền Chỉ Huy của Việt Nam Cộng Hòa. Muốn được theo học, các Sinh Viên Sĩ Quan Hải Quân phải có văn bằng Tú tài 2 ban B.

Thời gian học là 2 năm, về văn hóa sinh viên có trình độ tương đương bậc Đại Học. Ra Trường, Tốt Nghiệp mang cấp bậc Thiếu Úy Hải Quân. Từ năm 1962 tới năm 1968, vì nhu cầu chiến trường, Sinh Viên Hải Quân được thụ huấn 18 tháng. Bắt đầu Khóa 18 cho tới Khóa cuối cùng là 26, Sinh viên lại học hai năm như cũ. Trong suốt thời gian hoạt động, Trường đã đào tạo được 2538 Sĩ Quan và 15.050 Chuyên Viên Hải Quân. Chỉ Huy Trưởng cuối cùng của Trường là Phó Đề Đốc Nguyễn Thanh Châu (16.1.1923-1.4.1975).

Liên Đoàn Người Nhái

Nếu trên bờ có Biệt Kích-Biệt Cách thì dưới nước có Người Nhái. Họ là những thanh niên thời đại, sống bằng lý tưởng, nên xem cái chết nhẹ tựa lông hồng với các nhiệm vụ đặc biệt nguy hiểm như chống lại đặc công thủy của Bắc Việt, vớt tàu, gỡ mìn, cứu tù binh. Thành lập từ năm 1961 với danh xưng là Liên Đội Người Nhái được Huấn Luyện tại Đài Loan. Bắt đầu từ tháng 10.1962. Người Nhái Mỹ (Seal West Coast) phụ trách Huấn luyện cho Người Nhái Việt Nam tại các Trung Tâm Cát Lái, Cam Ranh, Nha Trang, Vũng Tàu. Muốn trở thành một Biệt Hải hay Người Nhái, người Chiến binh phải được Huấn luyện như một Điệp Viên chiến tranh nhà nghề, biết sử dụng tất cả các loại vũ khí, mìn bẫy của Tây Phương cũng như khối công sản, biết cách hoạt động, mưu sinh cũng như đào thoát vì địa bàn trách nhiệm nằm sâu trong lòng địch, không có quân bạn yểm trợ. Thời gian Huấn Luyện Người Nhái là 16 tuần, kể cả 10 tuần lễ địa ngục. Từ năm 1972 về sau, quân số người nhái tăng lên 600 người và trở thành Liên Đoàn Người Nhái với các Toán Hải Kích, Biệt Hải, tháo gỡ đạn dục, trục vớt, phòng thủ Hải Cảng. Có tất cả 8 Khóa Huấn Luyện Người Nhái và Đơn Vị Trưởng cuối cùng của Người Nhái là Trung Tá Hải Quân Trịnh Hòa Hiệp.

Các Tướng Lãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Từ ngày thành lập cho tới khi sụp đổ, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có hơn 100 Tướng Lãnh. Cấp bậc cao nhất trong Quân Đội là Cố Thống Tướng Lê Văn Ty, nguyên Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều Tướng Lãnh đã tử trận trước ngày 30.4.1975 như các Tướng Đỗ Cao Trí, Nguyễn Viết Thanh, Nguyễn Bá Liên, Lê Đức Đạt, Nguyễn Văn Hiếu. Ngày 30.4.1975, khi Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, các Tướng Lãnh Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Trần Văn Hai đã tự sát. Sau ngày 1.5.1975, hơn phân nửa Tướng Lãnh bị bắt đi cải tạo tại các tù khổ sai miền Bắc. Chịu cảnh tù tội lâu nhất (gần 17 năm) gồm các Tướng Lê Minh Đảo, Lê Văn Thân, Đỗ Kế Giai, Trần Quang Khôi và Trần Bá Di.

Nỗi Bất Hạnh Của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Suốt trong hai mươi năm chinh chiến, người Lính Việt Nam Cộng Hòa hơn 250.000 người đã gục ngã trước đạn thù và gần nửa triệu Thương Binh sống đời bất hạnh vì một phần cơ thể gửi lại sa trường. Hiện nay Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng như Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã không còn nhưng trong tâm tư của muôn người được sống sót qua cuộc đời mạt kiếp, thì Lý Tưởng và Danh Dự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa càng lúc càng được sáng tỏ trong niềm hãnh diện chung của Quân Dân miền Nam.

Lịch Sử của một Quốc Gia này là những gì trung thực mà người dân của nước đó đã ghi chép lại không thêm bớt. Nhờ vậy ta mới biết được về lịch sử cuộc nội chiến Hoa Kỳ từ năm 1861-1865 và thái độ của dân chúng cũng như chức quyền miền Bắc nước Mỹ khi thắng trận: Không lên án, bỏ tù, trả thù những người miền Nam và đồng thời ghi ơn tất cả những Chiến Sĩ đã nằm xuống cho cả hai miền Nam, Bắc vì lý tưởng riêng của họ. Đại Chiến Thứ Hai kết thúc, Tòa Án Quốc Tế tại Nuremburg chỉ kết tội các đầu sỏ trong phe Trục, mà không hề bắt bớ hay khó dễ

quân nhân các nước Đức, Ý, Nhật. Năm 1920 Lãnh Tụ Kháng Chiến Quân Libya là Mukhta đã bị quân Ý bắt và tử hình nhưng chính Tổng Tư Lệnh Ý tại Bắc Phi là người đã ở lại Pháp Trường để chào kính và lo lắng hậu sự cho vị Anh Hùng Dân Tộc Lybya.

Tại Việt Nam khi thực dân Pháp đánh chiếm Ba Tỉnh miền Tây Nam phần năm 1867, sau đó là Thành Hà Nội vào năm 1873. Các Tướng lãnh đương thời như Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương... đã oanh liệt chết theo Thành và đã được người Pháp tôn kính mặc niệm như chính vị Tướng lãnh của họ. Sau rốt là số phận của 500.000 Quân Nhân Mỹ tham chiến tại Nam Việt Nam trong đó có hơn 50.000 đã chết. Ngày nay, số Chiến Sĩ trên đã được Quốc Dân Hoa Kỳ trả lại công lý và danh dự, đề hiên ngang, ưỡn ngực cũng như an giấc ngàn thu bên cạnh Cha ông, một đời Anh Hùng, Liệt Sĩ.

Tất cả đều chết cho Lý Tưởng Quốc Gia, sống vinh quang và yên nghỉ trong Danh Dự. Người Lính miền Nam Việt Nam trong suốt 20 năm binh lửa, cũng phơi gan trải mật, hy sinh bảo vệ Đất Nước và mạng sống chống cộng sản Bắc Việt phá hoại, cướp bóc, giết người, là ở đó có sự hiện diện của người Lính miền Nam. Ở đâu có bóng Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, là ở đó người dân trong vùng chiến nạn, ùn ùn tìm đủ mọi cách để chạy tới xin được che chở, đùm bọc. Có làm Lính mới thông cảm được nỗi khổ của người dân Việt Nam trong thời kỳ loạn. Có là người dân bị kẹt sống tại các vùng sồi đậu, lửa khói mới thấu hiểu và cảm thông cho đời Lính gian khổ muôn trùng. Có là người dân bản hàn mới chua xót đùm cho cảnh ba đồng, ba cọc của kiếp Lính miền Nam. Trong nỗi chịu đựng hy sinh âm thầm, người Lính miền Nam đã không được an ủi để yên tâm để cầm súng giết giặc. Trái lại, họ còn bị muôn ngàn bất hạnh đeo đuổi suốt cuộc chiến. Khi cầm súng thì cô đơn, nửa đường bị Hậu Phương, Đồng Minh và cấp lãnh đạo phản bội, bán đứng. Ngày trở về hứng chịu báo thù và chết lặng trong đói nghèo, tủ nhục. Tiếp tay với những linh hồn thác loạn, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản là bọn báo chí ngoại quốc thiên tả, a dua, xu thời. Bao nhiêu năm qua, cộng sản quốc tế Hà Nội tung hoành một vùng, một chợ, thao túng và với huyền thoại là bóp méo lịch sử. Nhưng gieo gió thì gặt bão, chính sự khoác lác đại khờ trên đã đưa toàn bộ đảng cộng sản Việt Nam vào trở lại cái vũng lầy ô uế khi mọi bí mật lịch sử được bật mí. Người Lính miền Nam Việt Nam, từ trước tới nay chỉ quen cầm súng để chiến đấu chứ không quen viết lịch sử ca tụng một chiều. Sự Phục Hồi Danh Dự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hôm nay là do sự phản tỉnh của Thế Giới Tự Do khi biết được sự thật trong cuộc chiến và lòng thương tiếc muộn màng của người dân miền Nam về những người Lính Việt Nam Cộng Hòa, khi chính họ bị cộng sản Bắc Việt thẳng tay hành hạ và giết hại.

Nỗi bất hạnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị trí thức thiên tả đánh sau lưng

Trong lúc Đất Nước lâm nguy vì sự xâm lăng của cộng sản Bắc Việt, hầu hết thanh niên nam nữ phải vội vã bỏ tương lai, Trường lớp, Thầy Cô và bạn bè lên đường ra tiền tuyến ngăn chặn giặc thù. Giữa lúc Đất Nước lâm than, muôn dân khốn khổ vì chiến tranh do cộng sản gây ra thì tại Hậu Phương có một số người tự nhận là Trí Thức, đứng ngoài cuộc chiến với lý do hoãn dịch hay trốn tránh nghĩa vụ làm người. Những kẻ ngoại cuộc này đã làm tăng lên sự đau đớn chất ngất của người dân trong thời loạn ly, bởi vì họ chỉ sống ở Hậu Phương an toàn... với đầy đủ tiện nghi vật chất và thời giờ để theo dõi tin tức và đọc sách báo Mỹ phản chiến. Ai cũng biết cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai (1960-1975) là một cuộc chiến đa dạng, phức tạp, khó có thể định nghĩa cho trọn vẹn. Với người miền Nam Việt Nam, thì đây là cuộc chiến lý tưởng, người miền Nam Việt Nam chiến đấu để ngăn chặn sự xâm lăng của miền Bắc, như cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn năm xưa. Với bọn Trí

Thức phản chiến miền Nam, hoạt động theo sự áp đặt của điệp viên Hà Nội nằm vùng, đã trắng trợn phỉ báng cũng như xuyên tạc khi gọi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là nguy quân, là lính đánh thuê cho Mỹ.

Chính bọn Trí thức thiên tả này đã lợi dụng tự do báo chí của Việt Nam Cộng Hòa, để phá nát Hậu Phương, đâm sau lưng Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, bằng cách phổ biến, tuyên truyền những câu chuyện bóp méo sự thật, những tư tưởng phản chiến.

Mỹ bán đứng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa qua hiệp định ngưng bắn Paris 27.1.1973

Bắt đầu từ ngày 13.5.1968, Mỹ và cộng sản Hà Nội đã lén lút đi đêm với nhau tại Paris để tìm cách đổi chác sự mua bán Việt Nam Cộng Hòa, những kẻ cấp gạo bà già nên dù hàng tuần gặp nhau, cả Kissinger và Lê đức Thọ vẫn chưa đạt được một thỏa ước nào. Theo sự tiết lộ mới đây của Kissinger trong hồi ký gọi là The Kissinger Transcripts, ghi chép đầy đủ về thủ thuật của Mỹ trong việc ve vãn Trung Cộng chống lại Nga Xô vào tháng 1.1972. Theo sách dẫn chứng trên, Kissinger đã làm hết tất cả mọi điều để vừa lòng Trung Cộng, luôn cả sự lừa bịp Liên Xô. Dĩ nhiên trong vấn đề mặc cả trên, Việt Nam Cộng Hòa đã bị Kissinger và Nixon đem ra làm dê tế thần, dẫn tới những điều kiện phi lý mà Hoa Kỳ đã bắt buộc Việt Nam Cộng Hòa phải ký kết trong Bản Hiệp Định ngưng bắn trong năm 1973. Riêng đối với Bắc Việt cũng không hơn gì, khi Liên Xô thấy Mỹ và Trung Cộng đã xích gần lại với nhau, đoán chắc Trung Cộng sẽ theo Mỹ bảo Bắc Việt ngưng bắn có điều kiện, nên Liên Xô đã ra lệnh Bắc Việt tấn công Việt Nam Cộng Hòa vào Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, khiến cho hơn 100.000 cán binh Hà Nội, phải chết thảm tại Quảng Trị, Kontum, An Lộc và Bình Định.

Người Mỹ đã ký kết Hiệp Định ngưng bắn Paris với mục đích để rút quân và đem tù binh về nước, nên hầu như không thèm đếm xỉa gì tới tương lai cũng như thân phận của Quốc Dân Việt Nam Cộng Hòa. Sau này khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, nhiều nhân vật quốc tế liên hệ tới chiến tranh Việt Nam đều phê phán sự tặc trách của Mỹ đã dựng lên cái quái thai Hiệp Định ngưng bắn, để bán đứng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Chính Tổng Thống Nixon đã xác nhận trong "No More Vietnam": "Tôi đã nhìn thấy những vấn đề nan giải của Hiệp Định Paris... vấn đề thứ hai là thỏa hiệp đã không bắt buộc miền Bắc Việt Nam rút các lực lượng vũ trang của họ ra khỏi Nam Việt Nam". Còn M Gauvin, Đại Sứ Gia Nã Đại tại Hy Lạp, cũng là Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Soát và Giám Sát Quốc Tế CICCIS, tại Việt Nam đã tuyên bố: "Có lẽ miền Nam Việt Nam bị thất bại do quyết tâm bỏ rơi của Mỹ, bắt nguồn từ Hiệp định Paris không phản ảnh được ý muốn và nguyện vọng của Việt Nam Cộng Hòa". Riêng Sir Robert Thompson thì phê bình thẳng thắn: "Sự sống còn của Nam Việt Nam, đã bị bán đứng để tránh cho nước Mỹ khỏi bị sâu xé tan nát. Một điều trái ngược ở đây là Bắc Việt bị bó buộc tới Bàn Hội Nghị, không phải để cứu họ mà là cứu nước Mỹ và dĩ nhiên Mỹ phải đem Việt Nam Cộng Hòa ra để đền bù".

Ngoài vấn đề phải tay tại Nam Việt Nam sau khi đem được tù binh và hài cốt Mỹ về, Quốc Hội Hoa Kỳ đã bội ước khi tiếp tục biểu quyết các Đạo Luật ngăn cấm sự can thiệp bằng Quân Sự của Mỹ tại Việt Nam, cắt giảm dần quân viện, không chịu hoán đổi quân trang, quân dụng như các thảo ước đã ký kết, đến nỗi Tùy Viên Quân Sự (DAO) tại Nam Việt Nam đã phải viết: "Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bắt buộc phải sống với các nhu cầu dưới mức bình thường, khiến cho tinh thần người Lính xuống thấp do phần hạn chế các phương tiện dùng để chống lại kẻ thù". Để chạy tội, một số người Mỹ có trách nhiệm điển hình như Robert S. Mc. Namara đã viết In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam, Cựu Bộ Trưởng Quốc

Phòng Hoa Kỳ thời Tổng Thống Kennedy, bêu xấu và đổ trách nhiệm làm sụp đổ miền Nam cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đây cũng là sự xuyên tạc của bọn người không tim óc. Thật ra khi viết về Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, hầu hết các nhà Quân Sự trên Thế Giới cũng như các Sử Gia hiện tại của Việt Nam như Nguyễn Khắc Ngữ, Phạm Huân, Chánh Đạo, Nguyễn Đức Phương... đều có chung quan điểm ca tụng người Lính Việt Nam Cộng Hòa có tinh thần hy sinh cao độ và trách nhiệm đối với Dân Nước. Nhờ thiện chiến, nhờ kỷ luật nghiêm minh, nên trong suốt 20 năm máu lửa, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa lúc nào cũng bị cộng sản Hà Nội tấn công lén, nhưng họ đã can trường lật ngược thế cờ, chuyển bại thành thắng như hồi Tết Mậu Thân, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972... Nhiều người Lính và các cấp Chỉ Huy ngoài chiến trường đã chiến đấu tới cùng, đến khi Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, đã tự kết liễu đời mình, không để sa vào tay giặc thù bị nhục, nêu gương tốt muôn đời.

Qua các Tác phẩm vừa được công bố như The Petagon Papers, Fire In The Lake của Frances Fitzgeral, The Best and The Brightest của Halberstam, Hồi Ký của Kissinger...ta thấy từ khởi đầu cho tới tàn cuộc chiến, người Mỹ luôn luôn là đạo diễn chánh trong thảm kịch Việt Nam. Trong khi bọn cộng sản Hà Nội được tập đoàn cộng sản quốc tế viện trợ quân sự thả dàn thì miền Nam bị trói tay, chèn ép, chiến đấu trong nghiệt ngã để tự sinh tồn. Theo Harry. H. Noyes trong Tác phẩm Herdic Allies, vì là một Quân Nhân Mỹ, nhiều năm chiến đấu bên cạnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nên đã có nhận xét rất thẳng thắn, trái ngược với mồm mép của bọn chính khách và báo chí Mỹ. Theo Tác Giả trên thì thái độ bêu xấu hay bóp méo sự thật dành cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, chẳng qua chỉ là sự kỳ thị chủng tộc, một thủ đoạn của chính trị con buôn. Trong suốt cuộc chiến đẫm máu tại miền Nam Việt Nam, đa số dân Tây Phương và người Mỹ, đã bị điệp viên và khối cộng sản cũng như KGB của Liên Xô mua chuộc hay tuyên truyền, nên lúc nào cũng dăm bóp méo sự thật, khinh bỉ Việt Nam Cộng Hòa.

Bảo rằng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trốn trách nhiệm, chỉ để khoán trắng sự chiến đấu cho Quân Đội Mỹ, luôn cả vụ oanh tạc miền Bắc. Để trả lời câu hỏi trên, nhiều người đã hỏi ngược lại là trong thời gian từ 1955 tới 1965 và từ cuối năm 1971 tới ngày 30.4.1975, thời gian đó người Mỹ hoặc chưa tới Nam Việt Nam hay đã rút hết về nước, vậy ai đã chiến đấu chống cộng sản Hà Nội ? Riêng về vấn đề oanh tạc miền Bắc, có bao giờ Mỹ để cho Không Quân Việt Nam với toàn quyền hành động hay đã cung cấp cho Việt Nam các loại máy bay tối tân để thực hiện các vụ oanh tạc ? Riêng trong thời gian Mỹ có mặt tại Nam Việt Nam, các cuộc hành quân tiêu diệt cộng sản, hầu như luôn luôn tổ chức hành quân hỗn hợp giữa Đồng Minh và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa như hành quân Cedar Faces tại Vùng Tam Giác Sắt đầu tháng 1.1967, Hành Quân Toledo càn quét chiến khu C do Lực Lượng Mỹ Việt gồm Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Hoa Kỳ và hai Tiểu Đoàn 33 và 35 Biệt Động Quân Việt Nam. Tại Khe Sanh, cuối năm 1967, Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân Việt Nam đã sát cánh chiến đấu với Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ...

Người Mỹ cũng như trí thức miền Nam quy trách nhiệm làm sụp đổ Việt Nam Cộng Hòa do cấp lãnh đạo gây ra. Sự thật bảo rằng không có lãnh đạo xứng đáng để đối đầu với cộng sản sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 1.11.1963 là điều suy nghĩ quá đáng. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ 1960-1975, có rất nhiều cấp Chỉ Huy tài ba, văn võ song toàn, được đào tạo từ các Quân Trường danh tiếng nhất nhì tại Á Châu như Trường Võ Bị Đà Lạt, Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trường Chiến Tranh Chính Trị, Trường Không Quân, Hải Quân...

Ngày xưa người Lính Việt Nam chiến đấu trong vinh quang, trở về thật hiên ngang với cảnh Phu Phụ trùng phùng, kết lại mối duyên xưa:

Xin vì chàng, xếp bào cởi giáp
Xin vì chàng dữ lớp phong sương
Vì chàng tay chuốc chén vàng
Vì chàng điếm phấn đeo hương nũng...
(Chinh Phụ Ngâm)

Ngày nay, người Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa không có cái diễm phúc trên vì trong suốt hai mươi năm chinh chiến, phải chống trả với kẻ thù trong nỗi cô độc, trở về để bị đọa đày, tù ngục và chết trong uất hận, nghẹn ngào. Thử hỏi trên thế gian này có Quân Đội nào bắt hạnh hơn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa ? Bao nhiêu người hôm nay sống thảnh thơi trên xứ người, khi hôm qua nhờ vào sự bao che đùm bọc của Lính, hiện đang dùng tài trí để bàn chuyện nước non, không biết có giây phút nào, do lương tâm con người xao động, họ chợt nghĩ tới những người xưa đã Vị Quốc Vong Thân ? Tuy vậy, trong tâm tưởng phần lớn người dân miền Nam Việt Nam luôn biết ơn người Lính Việt Nam Cộng Hòa, họ vẫn là hình ảnh cao đẹp đáng tôn vinh.

Ngày xưa họ đã chiến đấu anh dũng trong khói lửa để Bảo Quốc-An Dân và nay người Lính Việt Nam Cộng Hòa, họ vẫn còn tiếp tục tranh đấu cho một ngày về quang phục Quê Hương trong tự do và no ấm.

19.6.1999
Diễn Đàn Phụ Nữ 184-1999